

Theo các số sách của Đảng Cộng Sản, ngày 11-11-1945 Hồ Chí Minh gửi tán Đảng Cộng Sản Đông Dương, ngày 3-9-1969 Hồ Chí Minh viết cho u t Mác-Lê.

Ngày nay số tài liệu số cho biết Đảng Cộng Sản Đông Dương không gửi tán năm 1945 và Hồ Chí Minh đã viết cho u t Mác- Lê từ ngày hôm trước 2 tháng 9, 1969.

Cũng trong ngày 2 tháng 9, 1945 Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập.

Thực ra Việt Nam chưa được độc lập năm 1945. Chỉ có công pháp quốc tế, Việt Nam đã thừa hưởng quy định độc lập do Hiệp ước Elysee ngày 8 tháng 3, 1949. Cũng trong năm này, 11 quốc gia khác tại Á Châu đã giành được độc lập bằng đường lối chính trị và ngoại giao, không bạo động, không vũ trang và nhất là không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Tháng hai năm 2000, nhà cầm quyền Hà Nội đã tổ chức trưng bày kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Trong dịp này họ viết đơn nhậm thành quốc mà họ đã đặt trước trong nhà thờ kia qua và tổ ban cho mình tổ chức và tính chính thống để quy định lãnh đạo quốc gia từ trước tới nay và từ nay về sau.

Gọt bỏ mọi thành kiến và mọi lý luận tuyên truyền, chúng tôi chỉ cần căn cứ vào những tài liệu lịch sử và những văn kiện pháp lý để đưa ra những nhận định sau đây liên quan đến chức trách đảng cộng sản tại các Đảng Cộng Sản.

## **NHẬN ĐỊNH VỀ ĐẢNG LỐI ĐU TRAH.**

a) Trong công cuộc giải phóng dân tộc, Đảng Cộng Sản chỉ trách nhiệm vũ trang, bạo động, vâng ngoi và liên kết với Quốc Tế Cộng Sản. Trên bình diện dân tộc đây là một sai lầm chí nhiên lúc khi cho 3 triệu thanh niên nam nữ thu hút 3 triệu đã phải hy sinh xương máu trong 3 cuộc Chiến Tranh Đông Dương:

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất chống Pháp trong 8 năm (1946-1954)

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Hai chống Thứ Giỏi Dân Chủ (Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ và Đế quốc Minh) trong 20 năm (1955-1975) và

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Ba tiếp chống lại nhau trong 10 năm, chiến tranh Miền Việt chống kết thúc năm 1989 do sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc.

b) Trong số 14 nước thuộc địa, báo chí và giám sát tại Á Châu, chỉ có 3 nước Đông Dương dưới quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Đông Dương là đã đấu tranh vũ trang, báo chí, vận động quần chúng và liên kết với Quốc Tế Cộng Sản. Trái lại, tất cả 11 quốc gia khác đã đấu tranh công khai, ôn hòa, hợp pháp, không báo chí, không vận động quần chúng và nhất là không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Hơn nữa trong khi Đảng Cộng Sản Đông Dương đấu tranh vào hàng ngũ Quốc Tế Cộng Sản để đấu tranh vũ trang nhằm lật đổ các đế quốc thuộc địa Tây Phương, thì các đế quốc gia tại Á Châu chỉ trỗi dậy hợp tác và thối nát ngay với đế quốc cũ để giành thế trận trong giai đoạn đấu và đấu tiếp trong giai đoạn sau. Cũng vì vậy họ đã tiếp tục kiêu mạn trước nhu cầu hy sinh xương máu và thời gian giành độc lập đã được rút ngắn rất nhiều, từ 1 đến 4 năm sau Thứ Chiến II, thay vì 30 năm như trỗi dậy hợp Việt Nam .

c) Từ 1946 đến 1949 tất cả các đế quốc Tây Phương như Mỹ, Pháp, Anh và Hà Lan đã liên tiếp tiếp giáng thế trận đấu cho 12 thuộc địa Á Châu:  
Độc lập năm 1946: Phi Luật Tân thuộc Hoa Kỳ, Syrie và Liban thuộc Pháp.

Độc lập năm 1947: Ấn Độ và Đới Hindi thuộc Anh.

Độc lập năm 1948: Miền Đới, Tích Lan và Palestine thuộc Anh. (Quốc gia Do Thái được thành lập).

Độc lập năm 1949: Việt Nam, Ai Lao, Cao Miên thuộc Pháp, Nam Dương thuộc Hà Lan. (1)

d) Năm 1919 tại Hội Quốc Liên (tên chính thức là Liên Hiệp Quốc), Tổng thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson đã xướng quyên Dân tộc Tự Quyết để khuyếch đại các Đế Quốc Tây Phương đang bành trướng và độc lập cho các thuộc địa Á Phi. Đó là trào lưu tiến hóa tốt nhất của lịch sử là sự giải thích tiến bộ của các đế quốc Tây Phương. Trào lưu này được khởi đầu năm 1935 khi Hoa Kỳ trả tự do cho Phi Luật Tân, và năm 1936 khi Pháp trả tự do cho Syrie và Liban.

Nhưng với lịch sử chung minh rằng tại Á Châu, đấu tranh không bao giờ, không vì lợi ích và không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản là đấu tranh lợi ích khôn ngoan và hữu hiệu nhất để giành tự do và độc lập cho quốc gia. Ngược lại, đấu tranh vào hàng ngũ Quốc Tế Cộng Sản để đấu tranh võ trang nhằm lật đổ các đế quốc Tây Phương là một sai lầm chí tử. Đây không phải là chiến tranh giành độc lập mà là chiến tranh ý thức hệ giữa Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ. Kinh nghiệm dân gian cảnh giác rằng hươu bò húc nhau là ruồi muỗi chết! 3 triệu thanh niên nam nữ tại Triều Tiên, 3 triệu tại Việt Nam, 2 triệu tại Miên Lào và 1 triệu tại Ấn Độ. Nhưng nhân dân này đã hy sinh thân mình, không phải để giành độc lập cho quốc gia, mà để cho Đế Quốc Cộng Sản có cơ hội cướp chính quyền.

**NHÂN DÂN VÀ QUỐC DÂN TRONG TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP.**

a) Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, Đế Quốc Cộng Sản Đông Dương phải đem chủ nghĩa dân tộc (2). Họ không chấp nhận đấu tranh giành độc lập vì quốc gia dân tộc và không quan tâm đến độc lập quốc gia như một câu chuyện cổ tích, một mục tiêu chiến lược phải tranh thủ với bất cứ giá nào, với bất cứ hy sinh nào, kể cả việc hy sinh những quyên lợi riêng tư của đế quốc. Lịch sử đã chứng minh rằng Đế Quốc Cộng Sản chỉ sợ đấu tranh cụ thể để giành độc lập như một chiêu bài, một chiến thuật hay một phương tiện để đạt được mục tiêu chiến lược của họ là Cướp Chính Quyền. Họ đã chứng minh và phá hoại bất cứ giải pháp độc lập nào không cho họ được quyền lãnh đạo quốc gia.

b) Ngày 27-3-1947 Hội Đồng Chính Phủ Ramadier và Hội Đồng các Chính Đế Quốc Pháp (lãnh đạo Quốc Hội và Tổng thống Đế Quốc Xã Hội và Đế Quốc Cộng Sản) công bố Quyết Nghị về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam. Theo Quyết Nghị này Pháp không chấp nhận tái lập thuộc địa tại Á Châu. Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất (ba miền cùng chung một lịch sử, một chế độ, một văn hóa và một ngôn ngữ).(3)

Độc lập là cũng trong năm 1947, Pháp đã chính thức đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. (4)

c) Chủ quyền độc lập của Việt Nam được thừa nhận bởi Hiệp ước Elysée ngày 8-3-1949 ký kết giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Quốc Trưởng Bô Đô. Ngày 6-6-1949 Quốc Hội Pháp phê chuẩn Hiệp ước Elysée. Từ đó chi phối công pháp quốc tế Việt Nam được hoàn toàn độc lập, các hiệp ước ký với Pháp trong nửa bán thế kỷ 19 đã bãi bỏ (5).

Thời gian này năm 1949, Trung Cộng dùng võ trang thôn tính Bắc Trung Hoa. Theo sách lược của Quốc Tế Cộng Sản, việc công nhận hòa Trung Hoa mới để cho việc công nhận hòa hai bán đảo Đông Dương và Triều Tiên. Trước nguy cơ này, các nhà lãnh đạo phe Thủ Giới Dân Chủ chủ trương giữ vững Việt Nam trong hàng ngũ Thủ Giới Dân Chủ chủ trương âm mưu thôn tính của phe Quốc Tế Cộng Sản.

Vì Việt Nam là một quốc gia liên kết với Pháp trong tổ chức Liên Hiệp Pháp, giữa Việt Nam và Pháp có nghĩa vụ an ninh hỗ trợ. Nay Quốc Gia Việt Nam đang bị đe dọa về an ninh quốc nội (nội loạn) và an ninh quốc ngoại (ngoại xâm), nên Pháp có nghĩa vụ phải mang quân (hay đưa quân) để bảo vệ biên thùy Việt Nam. Theo quy chế Liên Hiệp Pháp biên thùy của Việt Nam là biên thùy của Liên Hiệp Pháp và đồng thời cũng là biên thùy của Thủ Giới Dân Chủ.

d) Mục đích duy nhất của Đảng Cộng Sản đã phản nhận nội dung độc lập này. Họ tiếp tục chỉn dờu võ trang để thực hiện quyên yêu nước, độc quyền kháng chiến, độc quyền thống nhất quốc gia, độc quyền ký hiệp ước với Pháp và rồi độc quyền lãnh đạo quốc gia.

Độc lập đồng toàn dân tham gia kháng chiến, Đảng Cộng Sản tuyên truyền rằng Pháp đem quân trợ giúp Việt Nam để tái lập chế độ thu thuế. Do đó họ phải chỉn dờu võ trang chống Pháp để giành lại độc lập cho quốc gia.

Đây là một luận điệu tuyên truyền xuyên tạc. Vì từ năm 1947 Hội Đồng Chính Phủ và Chính Đảng Pháp đã quy định không tái lập chế độ thuế của tại Á Châu và tán thành nguyện vọng độc lập của nhân dân Việt Nam. Trước đó, năm 1946, Pháp đã trả độc lập cho Syrie và Liban. Và trong năm 1947 Pháp đã đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. Và năm 1949, bằng Hiệp ước Elysée, Tổng thống và Quốc Hội Pháp đã chính thức thừa nhận chủ quyền độc lập và thống nhất của Quốc Gia Việt Nam.

**III NHỮNG ĐIỀU NHỮNG CUỘC THƯỜNG NHẬT ĐÓNG TÊN C.**

a) Năm 1975 Đảng Cộng Sản không có công thường nhật đóng tên C. Vì theo quy tắc công pháp, Quốc gia Việt Nam đã được công lập và thường nhật từ năm 1949 chi u Hiệp p Đ nh Élysée ngày 8-3-1949.

Ngày 23-4-1949, Quốc Hội Nam Kỳ biểu u quy t gi i tán ch đ Nam Kỳ T Tr đ sát nh p Nam Ph n vào lãnh th Qu c Gia Vi t Nam đ c l p và th ng nh t.

b) Tuy nhiên Đảng Cộng Sản đã ph nh n n n đ c l p này và đã phá ho i n n th ng nh t này. Lý do là vì Hiệp p Đ nh Élysée không cho h đ c quy n lãnh đ o qu c gia. Do đó h v n ti p t c chi n đ u võ trang và đã ký Hiệp p Đ nh Genève chia đôi đ t n c đ c p chính quy n t i Mi n B c năm 1954. Và r i h l i ti p t c chi n đ u võ trang đ thôn tính Mi n Nam năm 1975.

K t năm 1955, Đảng Cộng Sản tuyên truy n r ng M đã thay th Pháp đ th ng tr Mi n Nam. Do đó h ph i chi n đ u võ trang ch ng M đ gi i phóng Mi n Nam và th ng nh t đ t n c. Đây cũng là m t lu n đ u tuyên truy n xuyên t c. Vì quân đ i M chi n đ u t i Tri u Tiên và Vi t Nam không ph i đ th ng tr hai qu c gia này mà đ b o v biên thùy c a Th Gi i Dân Ch .

c) T m b n đ Vi t Nam ông cha chúng ta đã đ bao x ng máu đ t o l p nên h i đ u th k 19. Sau này, vì hèn y u và nhu nh c, chúng ta ph i nh ng cho Pháp 6 t nh Mi n Nam. Năm 1949 đ ng bào Mi n Nam đã hành s quy n dân t c t quy t đ thâu h i ch quy n lãnh th và b i đ p l i t m b n đ t Nam Quan đ n Cà Mâu. Tuy nhiên, b ng chi n tranh võ trang, H Chí Minh đã c m tay xé đôi t m b n đ năm 1954 đ c p chính quy n t i Mi n B c. Và r i, năm 1975, cũng b ng chi n tranh võ trang, các đ ng chí c a ông ta đã c p chính quy n t i Mi n Nam. R i h l y bằng keo dán 2 m nh đ đ l i và tuyên b r ng: “Đ ng Cộng Sản có công th ng nh t đ t n c!”.

Chúng tôi đ a ra nh ng nh n đ nh này trên c ng v m t ng i nghiên c u s h c và lu t h c, ch không v i t cách m t cán b tuyên truy n cho m t ch thuy t hay m t ch đ chính tr nào.

## ĐI CHI U CÁC PHONG TRÀO GI I PHÓNG DÂN T C T I Á CHÂU.

Mu n có cái nhìn khách quan và trung th c, chúng ta hãy đi chi u công cu c đ u tranh giành đ c l p t i Vi t Nam v i các phong trào gi i phóng dân t c khác t i Á Châu.

Sau Th Chi n II, trong s 14 n c thu c đ a, b o h và giám h t i Á Châu, ch có 3 n c Đông D ng d i quy n lãnh đ o c a Đ ng C ng S n Đông D ng là đã đ u tranh võ trang, b o đ ng, v ng ngo i và liên k t v i Qu c T Công S n. Trái l i các đ ng qu c gia t i 11 n c Á Châu khác đã ch tr ng đ u tranh công khai, ôn hòa, h p pháp, không b o đ ng, không v ng ngo i và nh t là không liên k t v i Qu c T Công S n.

M t năm sau Th Chi n II, t 1946 đ n 1949, t t c các đ qu c Tây Ph ng nh M , Pháp, Anh và Hà Lan đã l n l t t gi i th đ tr đ c l p cho 12 n c thu c đ a, b o h và giám h t i Á Châu.

### 1) 1946: Phi Lu t Tân đ c l p

Hoa K đi ti n phong trong cu c gi i phóng thu c đ a. Nguyên là m t c u thu c đ a, Hoa K có truy n th ng đ u tranh gi i phóng dân t c. Nhân dân Hoa K có c m tình v i nh ng phong trào đ u tranh giành đ c l p t i Á Phi.

Đ u th p niên 1930, Lu t Sĩ Quezon, lãnh t Đ ng Qu c gia Phi Lu t Tân đ n Hoa Th nh Đ n v n đ ng Qu c H i Hoa K ban hành quy ch t tr và đ c l p cho Phi Lu t Tân. Năm 1934 Qu c H i Hoa K bi u quy t thông qua Lu t Tydings-McDuffie Act công nh n Phi Lu t Tân là m t qu c gia t tr (dominion) t 1935. Trong đ o lu t này có kh an quy đ nh r ng, 10 năm sau, đúng Ngày Qu c Khánh Hoa K (4 tháng 7, 1945) Phi Lu t Tân s đ c hoàn toàn đ c l p. Tuy nhiên t i ngày đó, Chi n Tranh Thái Bình D ng còn ch a k t thúc, nên Phi Lu t Tân ch đ c tuyên b đ c l p ngày 4-7-1946(tr m t năm vì lý do chi n cu c).

Trong th i chi n tranh, Lu t Sĩ Quezon đ c m i tham gia y Ban Chi n Tranh vùng Thái Bình D ng, và ng i ph tá c a ông, Lu t Sĩ Roxas ho t đ ng tình báo cho t ng McArthur. Kh u hi u đ u tranh c a Đ ng Qu c Gia Phi Lu t Tân là “Đ c L p do H p Tác”

(Independence through Cooperation).

2) 1946: Syrie và Liban độc lập.

Nếu Hoa Kỳ có truy n thủ ng đ u tranh gi i phóng dân t c, thì Pháp cũng là qu c gia có truy n thủ ng Công Lý, T Do, Bình Đ ng, Bắc Á t n b nh t trong lịch s loài ng i.

T i Syrie và Liban, lãnh đ o phong trào gi i phóng dân t c là Đ ng Nhân Dân t i Syrie và Lu t S Dabbas t i Liban. Dabbas đã t ng du h c t i Paris, n i đây ông hay bi t r ng, bên c nh các đ ng b o th ch tr ng duy trì thu c đ a còn có Đ ng Xã H i Pháp ch tr ng gi i phóng lao đ ng và gi i phóng thu c đ a.

Năm 1936 M t Tr n Bình Dân n m chính quy n, Th T ng Xã H i Léon Blum ký hi p c v i Syrie và Liban đ tr t tr cho 2 qu c gia này. Và 10 năm sau, năm 1946 quân đ i Liên Hi p Pháp rút lui đ tr đ c lập cho Syrie và Liban (Th i gian này t i Trung Đông ch a có nguy c xâm nh p c a Liên Xô)..

3) 1947: n Đ và Đ i H i đ c lập.

Sau các Đ Qu c Hoa Kỳ và Pháp, đ n l t Đ Qu c Anh b t đ u t gi i th . T i Th Chi n II, Anh Qu c đã thành lập đ c m t đ qu c hùng m nh nh t c chí kim ch y t B c M qua Âu Châu, Phi Châu, Á Châu và Úc Châu. Ng i Anh th ng t hào nói: “M t tr i không bao gi l n trên Đ Qu c Anh”. V y mà 2 năm sau Th Chi n II, năm 1947, Đ Qu c Anh b t đ u t gi i th .

T i n Đ , 3 nhà lãnh đ o phong trào gi i phóng dân t c là các Lu t S Gandhi, Nehru và Jinnah. Các v này đã t ng du h c t i Anh, n i đây h hay bi t r ng, bên c nh Đ ng B o Th ch tr ng duy trì thu c đ a, còn có Đ ng Lao Đ ng Anh ch tr ng gi i phóng lao đ ng và gi i phóng thu c đ a.

Năm 1947 Thủ Tướng Lao Động Clement Attlee trở đ&#223;c lập cho n&#223; và Đ&#223; i H&#223; i, và qua năm sau, 1948, trở đ&#223;c lập cho Mi&#223; n Đ&#223; n, Tích Lan và Palestine, m&#223;c đ&#223;u m&#223; i ph&#223; n kháng quy&#223;t li&#223;t c&#223;a Churchill, lãnh t&#223; Đ&#223; ng B&#223; o Thủ .

Khác với Đ&#223; ng Cộng Sản Việt Nam, Đ&#223; ng Quốc Hội n&#223; Đ&#223; ch&#223; tr&#223;ng đ&#223;u tranh công khai, ôn hòa, hợp pháp, không bạo đ&#223;ng, không v&#223;ng ngo&#223;i và nh&#223;t là không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

V&#223; i m&#223;t dân số quá đông (g&#223;n 400 tri&#223; u, so với 20 tri&#223; u ở Việt Nam năm 1945), trong m&#223;t xã hội lạc hậu, nghèo đói, thất nghiệp, với những mâu thuẫn trầm trọng về tôn giáo, chủng tộc, ngôn ngữ, đ&#223;ng cấp và giai cấp, cuộc đ&#223;u tranh t&#223; i n&#223; Đ&#223; 10 n&#223; khó khăn t&#223; i Việt Nam. Vì y mà n&#223; Đ&#223; đã giành đ&#223;c đ&#223;c lập 2 năm sau Thủ Chi&#223; n II, trong khi dân tộc ta đã phải hy sinh x&#223; ng máu r&#223;ng r&#223; trong suốt 30 năm.

4) 1948: Mi&#223; n Đ&#223; n, Tích Lan, Palestine đ&#223;c lập.

Ng&#223; i anh hùng dân tộc Mi&#223; n Đ&#223; n là Aung San (thân phụ bà Aung San Suu Kyi hiện lãnh đ&#223;o phong trào Dân Chủ t&#223; i Mi&#223; n Đ&#223; n). Cũng như Gandhi, Aung San tình nguyện chi&#223; n đ&#223;u trong Quân Đ&#223; i Hoàng Gia Anh. Cùng với U Nu, ông thành lập Liên Đoàn Nhân Dân Tự Do Ch&#223;ng Phát Xít đ&#223; hợp tác với Đ&#223; Quốc Anh, chống Nhật...

Năm 1948 Mi&#223; n Đ&#223; n đ&#223;c trao trở đ&#223;c lập.

T&#223; i Tích Lan Hiện Pháp năm 1931 n&#223; đ&#223;nh th&#223; i gian t&#223;p s&#223; t&#223; tr&#223; là 15 năm. Với chủ trương Thi&#223; n Chí và Hợp Tác (Good Will and Cooperation), Đ&#223; ng Quốc Gia Tích Lan đã giành đ&#223;c t&#223; tr&#223; năm 1945 và đ&#223;c lập năm 1948.

T&#223; i Do Thái hai nhà lập quốc Ben Gourion và Moshe Dayan thuộc Đ&#223; ng Lao Động cũng tình nguyện chi&#223; n đ&#223;u trong Quân Đ&#223; i Đ&#223; ng Minh trong hai trở n&#223; th&#223; chi&#223; n. Năm 1948 với sự y&#223; m trợ c&#223;a Hoa Kỳ, quốc gia Do Thái đ&#223;c thành lập đ&#223; i s&#223; b&#223; o trợ c&#223;a Liên Hiệp Quốc. Cũng trong năm này, Palestine thoát quy&#223;n giám h&#223; c&#223;a Đ&#223; Quốc Anh.



5) 1949: Nam Dân Chủ Nghĩa Cộng Hòa.

Sau các Đế Quốc Mỹ, Pháp, Anh đến lượt Đế Quốc Hà Lan tiếp quản năm 1949. Phong trào giải phóng dân tộc Nam Dân Chủ Nghĩa Cộng Hòa phát triển mạnh mẽ và giải trí thực địa Hà Lan. Trong khi Đế Quốc Cộng Sản theo sách lược bôn đảo vũ trang thì Đế Quốc Gia Nam Dân Chủ Nghĩa Cộng Hòa tranh ôn hòa bôn đảo vũ trang cạnh tranh và giáo dục. Sukarno lập Câu Lạc Bộ Văn Hóa Bandung và Hatta lập Hội Giáo Dục Quốc Gia Nam Dân Chủ Nghĩa Cộng Hòa nâng cao dân trí và chấn hưng dân khí. Hatta du học 10 năm tại Hà Lan và Sjahrir đã tiếp gia nhập Đế Quốc Lao Động Hà Lan trong thời gian du học.

Năm 1942 Nhật chiếm đóng Nam Dân Chủ Nghĩa Cộng Hòa, Sukarno hợp tác với Nhật. Tháng 8, 1945 Nhật đầu hàng Đế Quốc Minh, Sukarno tuyên bố Nam Dân Chủ Nghĩa Cộng Hòa. Nhật rút quân khỏi Hà Lan theo chân quân đội Anh sang giải giáp quân đội Nhật, Sukarno chấp nhận thực hiện nghĩa vụ với Hoà Lan.

Trong những năm 1946 và 1948, Đế Quốc Cộng Sản Nam Dân Chủ Nghĩa Cộng Hòa phát triển chiến đấu vũ trang phá thực hiện nghĩa vụ. Thời gian này nước láng giềng Phi Luật Tân đã đầu hàng Cộng Hòa. Tiếp theo Truman vận động Liên Hiệp Quốc áp lực Hà Lan phải hòa đàm với chính phủ Sjahrir. Lúc này Hoa Kỳ đang thực thi Kế Hoạch Marshall để tái thiết Âu Châu thời hậu chiến nên tiếp tục nói chuyện Hoa Kỳ có thể tiếp nhận giải pháp với Hà Lan. Hội Nghị Bàn Tròn La Haye được triệu tập để đàm phán bôn đảo của Liên Hiệp Quốc. Tháng 12-1949, do Hiệp ước La Haye, Hà Lan thừa nhận chủ quyền Cộng Hòa Cộng Hòa Nam Dân Chủ Nghĩa Cộng Hòa.

**Staline thiết lập Đế Quốc Xô Viết: ảnh hưởng đến Việt Nam.**

Những năm 1946 đến 1949 tiếp tục các đế quốc Tây Phương như Mỹ, Pháp, Anh, Hà Lan đã liên tiếp tiếp quản đất nước cho 12 thuộc địa Á Châu.

Trong khi đó tại Đông Âu, Staline thiết lập một đế quốc mới mang danh là Đế Quốc Xô Viết bằng cách thôn tính 3 nước Baltic là Lituanie, Lettonie và Estonie. Sau đó, Liên Xô tiếp nhận “bôn đảo” tại 7 nước Đông Âu là Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Albania, Bulgarie, và Roumanie. Tiếp đó, chiến tranh lạnh hay chiến tranh ý thức hệ bôn đảo phát triển Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ.

Các nhà lãnh đạo phe Thế Giới Dân Chủ như Truman, Churchill và De Gaulle nhận

quyết không trao Đông Dương cho Đảng Cộng Sản Đông Dương vì họ không muốn Staline mở rộng bức màn sắt tới Đông Âu qua Đông Á.

Riêng tại Việt Nam, De Gaulle cũng nhất quyết không trao Nam Kỳ cho Hồ Chí Minh vì Nguyễn Ái Quốc là cán bộ của Staline và Mao Trạch Đông tại Đông Nam Á.

Cũng vì vậy họ tháng 12-1945 De Gaulle đã mời cựu hoàng Duy Tân tới đảo Réunion tại Paris thăm ông.

Nhiệm vụ lịch sử cho biết De Gaulle đã chấp thuận trên nguyên tắc đảo Duy Tân với nước đảo từ năm 1946. Trước đó, hai bên ký một hiệp ước công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. Chính phủ Việt Nam sẽ được toàn quyền quản trị và mở rộng. Tuy nhiên vì lúc này Đảng Cộng Sản đã chấp chính quyền tại Miền Bắc, nên quân đội Pháp còn phải lo Việt Nam một thời gian với tư cách là quân đội Liên Hiệp Pháp để giúp Việt Nam giữ quyết các vấn đề an ninh quốc nội (nội loạn) và an ninh quốc tế (ngoại xâm). Theo quy chế của hiệp ước Liên Hiệp Pháp, giữa Pháp và Việt Nam có nghĩa vụ an ninh hợp tác. Do đó quân đội Pháp có nghĩa vụ bảo vệ biên cương của Việt Nam, đồng thời cũng là biên cương của Liên Hiệp Pháp.

Rất tiếc là mùa Giáng Sinh 1945 Duy Tân đã tiễn máy bay trên sa mạc Trung Phi trên đường từ Paris về đảo Reunion thăm nhà. Nhiệm vụ cho đây là vụ phá hoại. Nguyên nhân phi công phát hỏa là vì "hết xăng". Đây là một nguyên nhân hy hữu vì không một phi hành đoàn nào chấp hành cánh cửa máy bay không chĩa đèn sáng nhốt.

Việt Duy Tân một đi là một đứt biệt hoàn toàn cho Việt Nam cũng như cho Pháp. Vì từ năm 1946 Duy Tân với nước chấp chính phủ quốc gia giành lợi tự trị, được lập và thống nhất cho Việt Nam thì chiến tranh Việt Pháp sẽ có cơ tránh được. Hồ Chí Minh sẽ không còn được quyết yêu nước và có lẽ chúng còn ai muốn gia nhập Đảng Cộng Sản nữa (năm 1945 Đảng Cộng Sản chỉ có 5 ngàn đảng viên).

Lúc này Đảng Cộng Sản Pháp đã thông báo cho Staline và Hồ Chí Minh biết rằng De Gaulle đã có giới pháp quốc gia với Việt Nam. Cũng vì vậy, ngày 11-11-1945, Hồ Chí Minh gửi báo giới tán Đảng Cộng Sản Đông Dương. Rồi với vã thành lập một chính phủ liên hiệp quốc gia với sự tham gia của Cách Mạng Đảng Minh Hối (với Nguyễn Hữu Thọ) và Việt Nam Quốc Dân Đảng

(vũ sĩ Vũ Hữu Khanh và Nguyễn Tấn Tam) đã làm bình phong cho ông nghênh tiếp tại Pháp.

Ngày 6-3-1946 tại Hà Nội, nhân danh chính phủ liên hiệp, Hồ Chí Minh ký Hiệp ước Sainteny và chấp thuận miễn điếu khố an mà De Gaulle đã thừa nhận với Duy Tân: Việt Nam là một nước tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. 15 ngàn quân Pháp được trú tại Bắc Kỳ trong thời hạn 5 năm.

Sau đó ngày 14-9-1946 tại Paris, Hồ Chí Minh đã đến nhà riêng của Moutet để xin ký Thỏa ước Tạm Thời (Marius Moutet là đồng chí cũ trước khi Nguyễn Ái Quốc bỏ đảng Xã Hội để gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp).

Tuy nhiên mặc dù lúc này De Gaulle đã từ nhiệm, các nhà lãnh đạo Thập Sĩ Dân Chủ vẫn nhất quyết không trao Đông Dương cho Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Không còn hy vọng chấp chính quyền bằng ngoại giao, Hồ Chí Minh phát động chiến tranh vũ trang ngày 19-12-1946.

Bên cạnh động cơ chiến tranh này, Hồ Chí Minh đã vi phạm Hiệp ước Sainteny và Thỏa ước Tạm Thời Moutet.

Do đó, 3 tháng sau, ngày 27-3-1947 Hội Đồng Chính Phủ Ramadier cùng Hội Đồng các Chính Phủ Pháp công bố Quyết định về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam, theo đó Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất.

Điều đáng chú ý là lãnh tụ Đảng Cộng Sản Maurice Thorez và lãnh tụ Xã Hội Marius Moutet đã ký tên vào Quyết định này cùng với Thủ Tướng Ramadier.

Ngoài ra cũng trong năm 1947 tại Liên Hiệp Quốc, Pháp đã chính thức đăng ký 3 nước Đông Dương (Việt Miên Lào) là những quốc gia độc lập.

Như vậy là từ năm 1947 Pháp đã công bố ý định trao trả độc lập và thống nhất cho Việt Nam và đã đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. (Sở dĩ Việt Nam không được gia nhập Liên Hiệp Quốc vì gặp sự phản kháng của Liên Xô hành sự quyên phụ quyên t.)

Năm 1947, Nguyễn Hữu Chí Minh là người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc là nhà ái quốc biết đặt quyền lợi của quốc gia dân tộc lên trên quyền lợi cá nhân, thì ông ta đã phải lập tức ngưng chiến đấu cho phe quốc gia có điếu kiêu hòa đàm và ký kết với Pháp một hiệp ước để giành lại độc lập và thống nhất cho Việt Nam.

Tuy nhiên Hồ Chí Minh không phải là người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc không phải là nhà ái quốc nên ông ta vẫn tiếp tục đẩy lùi chiến tranh vũ trang để phá vỡ mọi giới pháp độc lập quốc gia.

Một điều đáng chú ý các chính phủ Pháp kết tiếp vẫn trung thành với Quyết Nghị của Hội Đồng Chính Phủ và Chính Phủ Pháp năm 1947.

Ngày 7-12-1947 Cao Uy Bollaert ký Hiệp ước Sứ Bệ Vành Hồ Long với Quốc Trưởng Ngô Bảo Đại, để thừa nhận chủ quyền độc lập của Việt Nam. Hiệp ước Sứ Bệ này được chính thức hóa bởi Thông Cáo Chung Vành Hồ Long ngày 5-6-1948 ký kết giữa Cao Uy Bollaert và Tổng Ng Nguyễn Văn Xuân, Thủ Tướng Chính Phủ Quốc Gia Lâm Thiệp, với sự bệ thế của Quốc Trưởng Ngô Bảo Đại. Theo Hiệp ước này Pháp long trọng thừa nhận nền độc lập của Việt Nam và Việt Nam được quyên t do tiến hành thực tế để thực hiện nền thống nhất quốc gia chiếu nguyên tộc dân tộc quyên t.

Và ngày 8-3-1949 tại Điện Elysée (Paris) Tổng Thống Pháp Vincent Auriol, nhân danh Tổng Thống Cộng Hòa Pháp và nhân danh Chủ tịch Liên Hiệp Pháp, đã ký với Quốc Trưởng Ngô Bảo Đại Hiệp Ước Điện Elysée công nhận Việt Nam Thống Nhất Và Độc Lập trong Liên Hiệp Pháp. (Quy chế Liên Bang Đông Dương đã bị bãi bỏ)

Do Quyết Nghị ngày 23-4-1949 Quốc Hội Nam Kỳ đã giới thiệu chấp nhận Nam Kỳ tự trị và sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

Ngày 6-6-1949 Quố c Hố i Pháp phê chuố n Hiố p Đố nh Elysée và chính thố c thố a nhố n quố c gia Viố t Nam đố c lố p và thố ng nhố t.

Chúng ta không nên có thành kiố n cho rố ng gia nhố p Liên Hiố p Pháp là vi phố m chố quyố n quố c gia. Vì các nố c ó n Đố , Đố i Hố i, Canada, Úc Đố i Lố i, Tân Tây Lan v...v... cũng là nhố ng quố c gia đố c lố p trong Liên Hiố p Anh.

Vố mố t an ninh quố c phòng, nố u năm 1949 Viố t Nam không gia nhố p Liên Hiố p Pháp thì quân đố i viố n chinh Pháp phố i rút khố i Viố t Nam (nhố tố i Syrie và Liban năm 1946). Và chố trong mố t vài tuố n lố (nhố tố i Nam Hàn năm 1950), phe Quố c Tố Cố ng Số n số nhuố m đố toàn thố bán đố o Đố ng Đố ng.

Khách quan mà xét, năm 1949 đố c lố p trong Liên Hiố p Pháp là giố i pháp tố i ó u cho Viố t Nam. Chúng ta có thố số đố ng các chuyên viên Pháp là nhố ng ngố i am hiố u phong tố c tố p quán, biố t rõ dân tình nố c ta, lố i có nhố ng kinh nghiố m vố khai thác nông lâm súc, công kố nghố thố ng mãi, xây cố t cố u cố ng, đố ng sá, sông ngòi, hố i cố ng, cố n đố o v...v... Ngoài ra hố còn có thố cố vố n chúng ta đố xây đố ng một nố n giáố đố c phố thông, mố t nố n hành chánh hiố n đố i và mố t nố n tố pháp đố c lố p đố tiố n tố i tam quyố n phân lố p và dân chố pháp trố .

Vố mố t phát triố n, chúng ta có số n thố trố ng Liên Hiố p Pháp đố xuố t cố ng các hàng hóa và các nông, lâm, khoáng số n v...v... Do đó, năm 1949, đố c lố p trong Liên Hiố p Pháp là giố i pháp tố i ó u cho Viố t Nam.

Nhố ng rố i Đố ng Cố ng Số n đã đố a dân tố c ta vào con đố ng chố ng gai chố t chóc trong suố t 40 năm (tố 1949 đố n 1989). Đố i hố nh cố a ó n Đố là có mố t Gandhi theo chố nghĩa dân tố c. Đố i bố t hố nh cố a Viố t Nam là có mố t Nguyố n Ái Quố c theo chố nghĩa quố c tố vô số n. Tố ng kố t lố i, Chiố n Tranh Đố ng Đố ng Thố Nhố t có thố chia làm 3 giai đố n:

1) 1946-1947: chiố n tranh vố trang.

2) 1947-1949: hoà đàm và thố ng nghố .

3) 1949-1954: chiến tranh ý thức hệ giữa Quốc gia Dân Chủ và Thủ lĩnh Dân Chủ (nhân Chiến tranh Triều Tiên). Vì từ 1949 Việt Nam đã giành được độc lập nên chiến tranh không phải để giải phóng dân tộc, mà là một phần giúp Quốc gia Dân Chủ lập chính quyền.

Chính phủ là phe Thủ lĩnh Dân Chủ đã được đi đến với Liên Hiệp Pháp, một tổ chức sáng lập bởi Quốc gia Pháp là một quốc gia mang tiếng đã thôn tính Việt Nam làm thủ tục đưa đến khai thác. Hơn nữa năm 1946 Quân đội Pháp đưa về Hội Phòng với cách Quân đội Việt Nam Chính. Kể từ 1949 Quân đội Pháp chiến đấu để duy trì danh nghĩa Quân đội Liên Hiệp Pháp tại Đông Dương để bảo vệ biên giới của Việt Nam. Sự thay đổi danh nghĩa là một vấn đề pháp lý tuy nhiên mà người dân khó có thể nhận được điều này.

### **HỢP ĐỊNH ĐÌNH CHIÊN GENÈVE và HIỆP ĐỊNH HÒA BÌNH PARIS.**

Chiến tranh Đông Dương Thủ lĩnh Nhứt kết thúc bởi Hiệp định Đình Chiên Genève ngày 20-7-1954 (giống như Hiệp định Đình Chiên Bàn Môn Đàm ngày 27-7-1953 tại Triều Tiên).

Hiệp định Genève là một hiệp ước thu quân sự có tác dụng “đình chiến và phân định một giới tuyến quân sự tạm thời”. Tất cả vùng giới tuyến thu được quy định kiểm soát của quân đội bên nào thì chính quyền bên này phải chịu trách nhiệm quản trị hành chính.

Vì là một hiệp ước quân sự, Hiệp định Genève chỉ mang tính ký của 2 tướng lĩnh đi đến Quân đội Bảo vệ Việt (là Thủ lĩnh Tướng Quang Bình) và đi đến Quân đội Liên Hiệp Pháp tại Đông Dương (là Thủ lĩnh Tướng Henri Delteil).

Vì không tham chiến ở Việt Nam nên Hoa Kỳ không ký vào Hiệp định Genève.

Quốc gia Việt Nam cũng không ký. Chỉ có Hiệp định Elysée 1949, Việt Nam là một hội viên liên kết của Liên Hiệp Pháp. Khi có chiến tranh, quân đội Việt Nam và quân đội Pháp sẽ cùng chiến đấu để duy trì danh nghĩa quân đội Liên Hiệp Pháp. Một Bộ Tham Mưu Hội đồng đưa đến thành lập với một tướng lĩnh Pháp làm tư lệnh hành quân và một tướng lĩnh Việt Nam làm tham mưu trưởng. Vì Hiệp định Genève là một hiệp ước thu quân sự, nên về phía Liên Hiệp Pháp chỉ cần có chỉ ký của vị tướng lĩnh hành quân Henri Delteil là đủ.

Ngày hôm sau, 21-7-1954, mặt B n Tuyên Ngôn Sau Cùng khuy n cáo hai miền Nam B c t ch c t ng tuy n c năm 1956. Tuy nhiên tuyên ngôn không phải là hiệp p c. Vì đây chỉ là b n Tuyên Ngôn Ý Đ nh (declaration d'intention) không mang ch ký c a b t c phái đoàn nào (k c B c Vi t) nên không có giá trị pháp lý (Cũng nh các b n Tuyên Ngôn Đ c L p c a B o Đ i ngày 11-3-1945, c a H Chí Minh ngày 2-9-1945 và c a Sukarno ngày 17-8-1945).

V i cũng trong ngày 21-7-1954, ngo i tr ng Qu c Gia Vi t Nam Tr n Văn Đ và tr ng phái đoàn Hoa K Bedell Smith đã ra tuyên cáo minh th ph n kháng s áp đ t các gi i pháp chính tr trong m t hi p c quân s , mà không có s th a thu n c a phái đoàn Qu c Gia Vi t Nam. (7)

Hi p Đ nh Đ inh Chi n Genève, theo danh x ng, ch là m t b n hi p c thu n tuý quân s đ đ nh ranh gi i ng ng b n theo m t gi i tuy n (vĩ tuy n 38 t i Tri u Tiên, vĩ tuy n 17 t i Vi t Nam). Nó không áp đ t nh ng gi i pháp chính tr . V n đ th ng nh t Nam B c là m t v n đ chính tr thu c quy n dân t c t quy t s do hai qu c gia n đ nh sau này (nh tr ng h p Tri u Tiên: sau h n 50 năm v n ch a có gi i pháp chính tr ). Do đó Vi t Nam C ng Hoà không vi ph m Hi p Đ nh Genève khi kh c t t ng tuy n c năm 1956. (8)

Hi p Đ nh Hòa Bình Paris 1973 trái i, là m t hi p c ngo i giao và có tác đ ng chính tr . Tr c h t v m t nghi th c nó mang ch ký c a các đ i bi u các qu c gia hay chính ph k t c:

- Tr n Văn L m, ngo i tr ng Vi t Nam C ng Hoà
- Williams Roger, ngo i tr ng Hoa K
- Nguyễn Duy Trinh, ngo i tr ng Vi t Nam Dân Ch C ng Hoà và
- Nguyễn Th Bình, ngo i tr ng C ng Hoà Mi n Nam Vi t Nam

Đ i u 15 Hi p Đ nh Hòa Bình Paris quy đ nh r ng “vi c th ng nh t Vi t Nam s đ c th c hi n t ng b c b ng ph ng pháp hoà bình trên căn b n th ng ngh và th a thu n gi a Mi n B c và Mi n Nam, không bên nào c ng ép bên nào, không bên nào thôn tính bên nào. Th i gian th ng nh t s do Mi n B c và Mi n Nam đ ng th a thu n” (theo nguyên t c nh t trí) (9)

V y mà hai năm sau, năm 1975, khi ch ký c a h còn ch a ráo m c, B c Vi t phát

đồng chí tranh võ trang để thôn tính Miền Nam. Hội đồng đã nhượng bộ cho chí tranh, nhượng bộ quyền thừa nhận đã bỏ bỏ o lặc c nhượng bộ, và phương pháp hòa bình đã bỏ chí tranh võ trang xoá bỏ.

Đây là một vi phạm thô bạo Hiệp định Paris. Luật pháp văn minh của loài người đã bị thay thế bởi luật rừng xanh.

## **KẾT LUẬN:**

Nói tóm lại:

1) Phương diện chính nghĩa dân tộc, Đồng đội Cộng Sản đã phạm sai lầm chí lớn khi liên kết với Quốc gia Cộng Sản để đấu tranh bỏ đồng võ trang khi dân tộc ta phải hy sinh xương máu dòng đã trong 40 năm.

2) Đồng đội Cộng Sản không có công giành độc lập năm 1954 vì Việt Nam đã được độc lập từ 1949 chí u Hiệp định Elysée. Hơn nữa, Việt Nam đã được đăng ký tại Liên Hiệp Quốc là một quốc gia độc lập từ 1947.

3) Đồng đội Cộng Sản không có công thống nhất đất nước năm 1975 vì Việt Nam đã được thống nhất năm 1949 khi Quốc gia Miền Nam K&#228; bi&#247;u quy&#228;t gi&#228;i tán chế độ Nam K&#228; t&#228; tr&#228; đ&#228; sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

4) Trên bình diện dân tộc 3 cuộc Chiến tranh Đông D&#228;ng là những cuộc chí tranh vô ích, vô lý và vô nghĩa.

5) Vì vậy Đồng đội Cộng Sản không có tài cách và không có tính chính thống để quy&#228;n lãnh đạo quốc gia từ trước tới nay và từ nay về sau. Và chế độ CS phải được giải thể để cho người dân được quy&#228;n mưu cầu hạnh phúc trong một chế độ Dân Chủ Pháp Trị, trong đó các dân quy&#228;n và nhân quy&#228;n được tôn trọng, kinh tế quốc gia được phát triển và công bằng xã hội



đ c th c thi.

L.S. NGUY N H U TH NG

(GI I TH CH Đ C NG S N, 2002)

## CHÚ THÍCH

1) Hai n c còn i là Mã Lai và Tân Gia Ba trong Liên Bang Mã Lai Á. Năm 1948 Đ ng CS Mã Lai p chi n khu chi n đ u võ trang. Đ đ p n i lo n, chính ph Anh ban hành tình tr ng thi t quân lu t. T năm 1952 đ ng Qu c Gia Mã Lai đ a ra ch tr ng “đ c l p do h p tác ch ng t c” k t h p các s c dân Mã Lai, Trung Hoa và n H i. LS Abdul Rahman đã t ng làm phó ch ng lý t i Anh. Abdul Razah ph c v trong quân đ i Hoàng Gia Anh th i Th Chi n Th Hai. Sau 5 năm t tr , Mã Lai đ c đ c l p năm 1957.

Năm 1959 đ n i t Tân Gia Ba đ c gi i phóng do ch tr ng “đ c l p nh liên l p” (v i Mã Lai trong Liên Bang Mã Lai Á). Lu t S Lý Quang Di u đã t ng gia nh p Lu t S Đoàn Luân Đôn và Đ ng Lao Đ ng Anh trong th i gian du h c.

Năm 1989, khi hòa bình Đông D ng vẫn h i, dân s t i 3 n c Đông D ng là 61 tri u và t i 11 c u thu c đ a Á Châu khác là 1 t 40 tri u.

2) Năm 1930 danh x ng “Đ ng C ng S n Vi t Nam” đã b Qu c T C ng S n bác b và thay b ng danh x ng “Đ ng C ng S n Đông D ng”

3) Nguy n Kh c Ng : B o Đ i, các Đ ng Phái Qu c Gia và s thành l p Chính Quy n Qu c Gia.

4) Everyone's United Nations, in biên năm 1986, trang 332.

5) Nguyễn Khắc Ngọc, sđd.

6) Tô Truyềnn Gandhi: Trí Huyết. Cũng như tởi ởn Đ, phe thc dân h c p tởi Đông D ng g m 20 ngàn ng i da tr ng. B n này ch ng l i c ng i Vi t yêu n c và ng i Pháp dân ch .

7) Th Nguyễn: Đông D ng 1945-1973.

8) Đ c p đ n t ng tuy n c t i m t n c C ng S n ch là chuy n khôi hài. Trong h n 50 năm t i B c Vi t có bao gi ng i công dân đ c hành s quy n t do ng c và t do b u c ?

9) Th Nguyễn, sđd.

## RESTORING THE HISTORIC TRUTH

Nguyen Huu Thong, Esq.

To cast down the communist party's limelight, let's read the following set of compiled documents pertaining to the role of the communist party in struggling for independence and reunification.

To detain the legitimacy and monopoly of leadership, the communist party has relied on the Ho Chi Minh's myths, used camouflage and deceit, false humaneness and false trustworthiness in their seizing the just cause. It placed the communist revolution on the fore of the war of national liberation against colonialism.

A couple of months after its establishment, in September 1930, the Indochinese Communist Party launched the class struggle in the Soviet Nghe Tinh Campaign with the slogan "Uprooting intellectuals, rich farmers, landlords, and village officials." Obviously, the drive meant no national liberation, and it showed the real face of communism in its inception.

In the 1930's the slogan the Indochinese Communist Party used was "Violent Revolution for Land and Independence." Class struggle through agrarian reform was crucial; and independence was but a label, an expedient or tactics to attain the strategic objective to seize power. The communists' number one enemy is not imperialism but nationalism. Loyal to the Communist International's strategy Ho Chi Minh has overtly condemned the Phan Chu Trinh's reform as theatrical.

Under the eyes of the Communist International, all Asian political parties advocating non-violent struggle through political and diplomatic channels are termed followers of reformed nationalism, such as the Congress Party in India; Nationalist Parties in the Philippines, Indonesia, Malaysia, Ceylon; People Parties in Singapore, Burma, Syria; the Labor Party of Israel, etc. Even the Communist Party of Tito in Yugoslavia was labeled reactionary because it had nationalist tendencies and did not follow Stalinism.

After the Soviet Nghe Tinh Campaign, the Communist International severely criticized the Indochinese Communist Party as “lacking the understanding of the dangerous character of reformed nationalism, and failing to fight it.” The reason evoked was, “reformed nationalism is an extremely dangerous and destructive force for the revolution of the proletariat. The leadership monopoly of the proletariat cannot be achieved if reformed nationalism is not totally wiped out. The experience of China and India were examples of the backward and reactionary reformed nationalism. The Party must on its own educate and control its ranks in the permanent fighting against reformed nationalism, seeing it as an anti-revolutionary tool of capitalism. If the prestige of reformed nationalism is not destroyed, the agrarian reform and the anti-colonialist revolution cannot win. One of the followers of reformed nationalism is the Vietnamese Kuomintang”.

In about the same time, the Indochinese Communist Party warned their members that, “you should not misunderstand that when we celebrate the Yen Bay uprising we agreed with nationalism and totally respected the leaders of the Vietnamese Kuomintang. We should make use of this observance to clarify for the sake of the nation’s great masses of farmers and workers that communism and nationalism are completely opposite and they can never be compatible.”

As international communism condemned Gandhi as a nationalist reformist, henchman of the British Empire, Ho Chi Minh also criticized Phan Chu Trinh as “having asked the French to achieve reformism. This is a mistake and is no different from begging pity from the enemy.” (Tran Dan Tien: Anecdotal Compilations on the Life of Chairman Ho).

The above is the Indochinese Communist Party’s standpoint on nationalism. Nevertheless, one knows that afterwards, Ho Chi Minh used deceitfulness and camouflage by hiding communism under the label of nationalism to win the just cause and seize power.

In the preface of the book “Ho Chi Minh in China, a false nationalist” by Tuong Vinh Kinh, Hoang Ly Luc commented that

Ho Chi Minh had copied Mao Tse Tung's false nationalism: "If communism can thrive, on the one hand, it leans on nationalism, but on the other, it plots to destroy nationalism's power".

"While the Chinese Communists put on a nationalist robe to win the just cause, took advantage of the Sino-Japanese war to strengthen their forces and to establish maquis, Ho Chi Minh also created the national front (Viet Minh), the coalition front (Lien Viet), the front of liberation (of the South), to prepare for an armed war and to destroy nationalist parties. He follows a simple principle that is whatever agrees with his interests, he would not hesitate to take advantage of, and whatever stands in his way, he would have recourse to any means to get rid of or destroy. His growth was not due to communism. He used many false names, fake organizations, pretended to practice nationalism to camouflage his objective of seizing power. In 1944, the Great Vietnam Party (Dai Viet) and the Vietnam Kuomintang joined together to elect a Central Executive Committee comprising 29 members, all chosen among the Vietnamese elite. Since this party possessed strong bases in Vietnam, it became a tough adversary of the Viet Minh on the road to seize power.

Because of the above reason, Viet Minh severely criticized the Dai Viet Party as "following the enemy's shadow in

a shameless manner, setting up schemes to help the wicked.” In truth, setting up schemes to help the wicked was just the devious acts of Ho Chi Minh. All his activities aimed solely at organizing and developing the party. Whether or not Vietnam could attain independence was only of secondary importance.”(Tuong Vinh Kinh, ibid).

In the last 70 years, the communist party has been using camouflage and deceit to seize power with its three objectives of independence, freedom, and happiness.

As far as the fighting for independence objective is concerned, the communist party followed false nationalism.

As far as the carrying out freedom and democracy objective is concerned, the communist party followed false democratic socialism.

As far as the pursuit of happiness objective is concerned, the communist party followed false social justice, false land reform and false market economy, the so-called socialist-oriented market economy.

## **THE COMMUNIST PARTY DID NOT DESERVE ANY CREDIT FOR THE INDEPENDENCE AND REUNIFICATION OF THE COUNTRY**

In February 2000, the Hanoi authorities solemnly celebrated the 70th anniversary of the Indochinese Communist Party. On that occasion, they cited the achievements in the last half-century to confer upon themselves the legitimacy to hold the monopolistic leadership of the nation since then and from now onto the future.

The following is an objective evaluation -free from prejudice and propaganda arguments-of the policy lines of the Indochinese Communist Party:

### **ON THE NATURE OF THE COMMUNIST STRUGGLE**

(a) In its policies on national liberation, the Indochinese Communist Party advocated an armed, foreign-oriented, and closely linked to international communism struggle. On the national standpoint, these policies were strategic mistakes



leading to the loss of lives of 3 million Vietnamese youths belonging to 3 successive generations in the 3 Indochinese wars:

- 1) The First Indochinese War against France and South Vietnam lasting 8 years (1946-1954),
  
- 2) The Second Indochinese War against the Democratic World (South Vietnam, the U.S.A. and Allies) lasting 20 years (1955-1975), and
  
- 3) The Third Indochinese War against neighbors lasting 10 years (The Cambodian-Vietnamese War ended in 1989 due to an intervention of the United Nations).

(b) Of the 14 former colonies, protectorates and mandates in Asia, only the three

Indochinese countries under the control of the Indochinese Communist Party adopted a form of struggle that was violent,

foreign-oriented, and closely linked to the Communist International. On the contrary, all other countries led an open, moderate, legal, non-violent, non foreign-oriented, and primarily non-linked to the Communist International, struggle.

Moreover, while the Indochinese Communist Party aligned itself with the Communist International to lead an armed fight aiming at toppling Western capitalist empires, nationalist parties in Asia promoted cooperation and negotiation with former colonialist powers to obtain autonomy in a first phase and independence in the next. This policy saved bloodshed and time, the latter was, as a matter of fact, shortened drastically from 1 to 4 years after World War II instead of 30 years as in the Vietnam case.